BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KT-CN TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Kế toán trình độ đại học chính quy

Dành cho đối tượng sinh viên tốt nghiệp THPT

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-TUETECH ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế-Công nghệ TN)

Thời gian đào tạo: 4 năm

Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022

STT	Mã Số	Tên học phần	Số TC	PHÂN KỲ							
				Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG											
1	BPP301	Triết học Mác-Lê nin	3	*3*							
2	BBP202	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2		*2*						
3	BBP205	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		*2*						
4	BBP204	Lịch sử đảng CSVN	2			*2*					
5	BBP203	Tư tưởng HCM	2			*2*					
6	BFL301	Tiếng Anh 1	3	3							
7	BFL302	Tiếng Anh 2	3		3						
8	BFL403	Tiếng Anh 3	4			4					
9	BFS206	Pháp luật đại cương	2		2						
10	BFS301	Tin học đại cương	3	3							
11	BFS307	Toán cao cấp	3	3							
12	BFS312	Lý thuyết xác suất và thống kê	3		3						
13	BPE101	Giáo dục thể chất 1	2	2							
	BPE102	Giáo dục thể chất 2	1		1						
14		Giáo dục quốc phòng									
15		***Tự chọn 1 (Chọn 2 trong 4 HP)***	***4***								
15.1	*BFS214*	*Logic học đại cương*	*-2*								
15.2	BSH213	*Cơ sở văn hóa Việt Nam*	*-2*	2							
15.3	*BBA218*	*Kỹ năng học tập nghiệp cứu bậc học đại học*	*-2*								
15.4	*BAC205*	*Xã hội học đại cương*	*-2*								

		Cộng 1	**36**								
II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP											
1. Khối kiến thức cơ sở khối ngành			**9**								
		Bắt buộc									
16	BBA301	Kinh tế học vi mô	3								
17	BBA302	Kinh tế học vĩ mô	3								
18		***Tự chọn 2 (Chọn 1 trong các HP)***	***3***								
18.1	*BBA303*	*Lịch sử các học thuyết kinh tế*	*-3*								
18.2	*BBA304*	*Kinh tế lượng*	*-3*								
18.3	*BBA305*	*Tâm lý học quản trị kinh doanh*	*-3*								
18.4	*BBA306*	*Lý thuyết ra quyết định*	*-3*								
18.5	BME203	*Đại cương về kỹ thuật*	*-3*								
2. Khối kiến thức cơ sở ngành			**43**								
		Bắt buộc									
19	BBA307	Quản trị học	3								
20	BBA208	Quản trị nguồn nhân lực	2								
21	BBA209	Quản trị tài chính	2								
22	BBA310	Luật kinh tế (căn bản)	3								
23	BBA311	Soạn thảo các văn bản quản lý kinh tế	3								
24	BBA312	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3								
25	BBA313	Marketing căn bản	3								
26	BCA302	Kiểm toán căn bản	3								
27	BCA301	Nguyên lý kế toán	3								
28	BBA314	Nguyên lý thống kê	3								
29	BBA215	Nguyên lý quản lý kinh tế	2								
30	BBA316	Phân tích hoạt động kinh doanh	3								
31	BBA217	Lập và phân tích dự án đầu tư	2								
32	BBA218	Thống kê doanh nghiệp	2								
33		***Tự chọn 3 (Chọn 2 trong các HP)***	***6***								
33.1	*BBA319*	*Thị trường chứng khoán*	*-3*								
33.2	*BBA320*	*Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*	*-3*								

33.3	*BBA321*	*Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương*	*-3*								
33.4	*BBA322*	*Quản lý dự án*	*-3*								
33.5	*BFS310*	*Phương pháp nghiên cứu khoa học*	*-3*								
33.6	*BBA323*	*Thương mại điện tử*	*-3*								
		Cộng II (1)	***52***								
3. Khối kiến thức chuyên ngành Kế toán DNCN			**25**								
		Bắt buộc									
34	BCA303	Kế toán tài chính 1	3								
35	BCA304	Kế toán tài chính 2	3								
36	BCA305	Kế toán tài chính 3	3								
37	BCA306	Tổ chức công tác kế toán	3								
38	BCA207	Kế toán thuế	2								
39	BCA208	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	2								
40	BCA209	Kế toán hành chính sự nghiệp	2								
41	BCA310	Kế toán máy	3								
42		***Tự chọn 4 (Chọn 2 trong các HP)***	***4***								
42.1	*BCA211*	*Kế toán ngân hàng*	*-2*								
42.2	*BCA212*	*Kế toán quốc tế*	*-2*								
42.3	*BCA213*	*Kế toán quản trị*	*-2*								
42.4	*BCA214*	*Kế toán thương mại dịch vụ*	*-2*								
42.5	*BCA215*	*Kế toán ngân sách xã phường*	*-2*								
42.6	*BCA216*	*Kiểm toán kế toán tài chính doanh nghiệp*	*-2*								
			12								
43	BCA417	TTTN chuyên ngành Kế toán	4								
44	BCA818	KLTN chuyên ngành Kế toán	8								
		Cộng II (2)	***37***								
		Tổng (I + II)	**125**								

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS.TS Nguyễn Đăng Bình